**Mẫu số 41/ Form 41**

**GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/ APPLICATION FORM FOR SECURITIES TRADING CODE**

Kính gửi: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

To: Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation

**ĐỐI VỚI TỔ CHỨC/ FOR INSTITUTION**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 Tên/ Applicant’s name:  (Applicant's name shall be same as indicated on supporting identification documents) | | | |
| 2. Giấy phép thành lập và hoạt động/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Certificate for Business Registration: | | | |
| 3. Ngày thành lập/ Establishment Date: | | | |
| 4. Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đăng ký hoạt động/ Country of domicile: | | | |
| 5. Địa chỉ trụ sở chính/ Address of Head Office: | | | |
| 6. Điện thoại/ Tel/Fax/ Email: | | | |
| 7. Loại hình tổ chức/ Type of institution: | | | |
| □ Quỹ đầu tư/ If Applicant is a fund. | | □ Không phải lả quỹ đầu tư/ If Applicant is not a fund. | |
| Loại hình/ Type  □ Quỹ mở dạng pháp nhân/ an open-ended fund established as a corporation  □ Quỹ mở dạng hợp đồng/ open-ended fund, a contractual fund  □ Quỹ tín thác/ a trust fund  □ Quỹ thành viên/ quỹ tư nhân a fund established as a partnership/ a private fund  □ Quỹ hưu trí/ a pension fund  □ Quỹ đóng/ a closed-ended fund  □ Quỹ ETF, Quỹ chỉ số/ ETF funds, Index Funds  □ Quỹ của quỹ/ a fund of the fund  □ Quỹ mẹ - con/ master fund – sub fund  □ Quỹ được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/ MIM Fund  □ Loại hình khác (ghi rõ)/ Other (Specify) .................................................................................. | | Loại hình/ Type  □ Ngân hàng thương mại/ a commercial/ merchant bank  □ Ngân hàng đầu tư/ Investment bank  □ Công ty bảo hiểm/ an insurance  company  □ Công ty chứng khoán/ a broker firm  or a futures commission merchant  □ Công ty quản lý quỹ/ a fund (asset)  management company  □ Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam/ Branch of a forgein fund (asset) management company in Vietnam  □ Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Nghị định này Economic institution with foreign investment capital specified in Clause 1, Article 143 of Decree 155/2020/NĐ-CP  □ Tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài; tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên  Investment institutions belonging to foreign governments; investment and financial organizations of international organizations to which Vietnam is a member  □ Tổ chức được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/ Institution is managed by many asset management company  □ Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài/ Issuer of foreign depository certificates  □ Loại hình khác (ghi rõ)/ Others (Specify) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |
| Kê khai tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Nghị định này.  Declare the foreign investor's ownership ratio for foreign-invested economic organizations according to the provisions of Clause 1, Article 143 of Decree 155/2020/NĐ-CP  Tổng số lượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài/ Total number of shares held by foreign investors: .........................................................................................  Tỷ lệ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài/ tổng số lượng cổ phần/ Share ratio of foreign investors/ total number of shares: …………………………………………. | | | |
| Trường hợp là quỹ con, quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau:  If Applicant is a sub-fund or fund of a feeder fund/ master fund or Multiple Investment Managers fund  being a foreign governmental/ intergovernmental organization, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate:  - Mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức liên quan theo quy định (nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan)  Securites Trading Code of Foreign Related Parties as regulations (Group of related Foreign Investors):  - Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán  The relationship between the Aplicant and the above STC holder:  □ Quỹ con/ Sub fund  □ Quỹ được tài trợ từ một quỹ/ Fund to Master/ Feeder Fund  □ Quỹ/tổ chức quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/ MIM Fund  □ Quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ/ Managed, advised bythe same Fund manager  □ Quỹ có cùng một đại diện giao dịch/ Traded by the same Agent  □ Tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài; tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên/ Investment institutions belonging to foreign governments; financial and investment organizations of international organizations to which Vietnam is a member  □ Loại hình quan hệ khác (ghi rõ)/ Others (specify): .................................................................................. | | Trường hợp là công ty chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau:  If Applicant is a broker firm, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate:  □ Mã số cho tài khoản môi giới/ Trading code for broker (customers) account  □ Mã số cho tài khoản tự doanh/ Trading code for self-trading account  Trường hợp công ty chứng khoán/ công ty mẹ/ bộ phận kinh doanh độc lập của một tổ chức đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán, đề nghị cung cấp thông tin về:  If the Applicant is a broker/ subsidiary of institution which has been granted with a trading code, please provide below details:  - Mã số đã được cấp/ Issued Trading Code: …………  - Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán  The relationship between the Aplicant and the affiliated institution:  □ Là công ty con/ Subsidiary of a parent company  □ Là công ty trong cùng tập đoàn/ Company in the same group  □ Loại hình quan hệ khác (ghi rõ)/ Others (specify): .............................. | |
| 8. Thông tin về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan của tổ chức đề nghị cấp mã số giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Information of group of of related Foreign Investors (if any)  a) Người có liên quan theo quy định về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ Related person according to regulation of group of ralated Foreign Investors.  - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code: …………………..  - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code: …………………..  b) Người có liên quan theo quy định về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ Related person according to regulation of group of ralated Foreign Investors.  - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code: ………………….  - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code: …………………. | | | |
| 9. Phương án kinh doanh tại Việt Nam/ Investment Objective in Vietnam:  □ Dài hạn/ Long term  □ Ngắn hạn/ Short term  Quy mô vốn tối đa dự kiến đầu tư/ Maximium Portfolio Value (in USD):  Thời hạn dự kiến đầu tư/ Investment horizon (in years):  Cơ cấu tài sản dự kiến/ Asset Allocation:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Công cụ/ Asset | Trái phiếu/ Bond | | | Cổ phiếu/ Stock | | Bất động sản/ Real Estate | Các công cụ khác/ Others | | Kỳ hạn/ Maturity | Ngắn hạn/ Short Term (<1 năm/ <1 year) | Trung hạn/ Mid-Term (1-2 năm/ 1-2 years) | Dài hạn/ Long Term (>2 năm/ >2 years)) | Niêm yết/ Listed | Chưa niêm yết/ Non-listed | | Phân bổ tài sản/ Asset Allocation (%) |  |  |  |  |  |  |  | | | | |
| 10. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)/ Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  10.1. Trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty/Giấy phép thành lập hoặc các tài liệu tương đương, chiến lược đầu tư và giao dịch của chúng tôi nhằm mục đích sau:  Pursuant to the Articles on Memorandum of Incorporation or other corporate documents or agreements of the establishment of the applicant, the nature of applicant's overall investment or trading strategy is for the following purposes (please check the appropriate box):  □ Đầu tư/ Investment □ Đầu cơ/ Hedging  10.2. Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin nêu trên cùng nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin kê khai này.  We hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contentstherein are true and accurate. We are solely responsible for given information.  10.3. Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  We hereby undertake to comply to all laws and regulations on securities trading of Vietnam and do not take any action to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial and securities market. | | | |
| 11. Trường hợp quỹ, tổ chức thuộc trường hợp được cấp nhiều mã số giao dịch đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho danh mục đầu tư mà tổ chức tư quản lý:  In case you are a fund or institution with many issued securities trading codes would like to register securities trading codes for a portfolio managed by yourself:  □ Chúng tôi cam kết mã số giao dịch này dành cho danh mục đầu tư mà chúng tôi tự đầu tư, quản lý.  We commit the trading code is for portfolios that we invest and manage by ourselves | | | |
| 12. Thông tin cơ bản về tổ chức đầu tư (trường hợp tổ chức đầu tư không phải là quỹ đầu tư).  Background Information on Applicant (if the applicant is not a fund). | | | |
| Tên các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên phần vốn góp, vốn điều lệ của tổ chức đầu tư  Names of the Shareholders who own 5% or more of Applicant's share capital. | Quốc tịch/ Quốc gia nơi thành lập/ Quốc gia nơi đặt trụ sở chính  Nationality/ County of domicile | | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu  Certificate For Business Registration/ ID card/ Passport |
|  |  | |  |
| 13. Các thông tin khác (Please mark N/A, if such item is not applicable) | | | |
|  | | | Tên và địa chỉ liên lạc  Name & Address/ Website/ Email/ Tel/ Fax |
| Công ty quản lý quỹ nước ngoài (nếu có)  Foreign Asset Management Company (if any) | | |  |
| Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có)  Vietnamese Fund Management Company (if any) | | |  |
| Tổ chức nhận ủy thác/Ngân hàng Giám sát (nếu có)  Trustee (if any) | | |  |
| Ngân hàng lưu ký toàn cầu (nếu có)  Global Custodian (if any) | | |  |
| Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có)  Vietnamese Custodian (if any) | | | Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT  *VNDIRECT Securities Corporation* |
| Công ty Chứng khoán tại Việt Nam (nếu có, liệt kê tất cả)  Vietnamese Broker Firms (if any, list down in details) | | | Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT  *VNDIRECT Securities Corporation* |
| Văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có)  Representative Office in Vietnam (if any) | | |  |
| Đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có)  Traded Representative in Vietnam (if any) | | |  |
| Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin (nếu có)  Information Disclosure Agent (if any) | | |  |
| Người liên lạc (nếu có)  Contact person (if any) | | |  |
| Hồ sơ kèm theo  Attachments | | | |
| Tổ chức đăng ký: …………….  Applicant  Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài ký tên, đóng dấu (nếu có):  Name, Signature and Seal of Authorized Signatory (if any)  Chức danh/ Title:  Ngày thực hiện/ Execution Date: | | | |

***Ghi chú:*** Tổ chức, cá nhân được đăng ký mã số giao dịch theo phương thức điện SWIFT thông qua tổ chức lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký. Khi đăng ký dưới dạng điện SWIFT, tổ chức, cá nhân được đăng ký rút gọn theo nguyên tắc chỉ khai báo tại các mục có thông tin liên quan. Tại các mục còn lại, tổ chức, cá nhân không cần liệt kê tên mục và chỉ cần ghi “Không có thông tin liên quan đối với các nội dung còn lại”. Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài không phải khai các nội dung tại điểm 9, 10.1, 12 tại mục I nêu trên.

Note: Institution, individual can apply trading code according to SWIFT code via global custodian organization with confirmation of custodian member. When registering via SWIFT code, institution, individual can register shortly by only giving info in relevant info. For the rest info, institution, individual don’t be required to give info, only type “Not relevant to the rest info”. Issuer of foreign depository certificates do not need to fill in Point 9, 10.1, 12 of I above.